

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/08/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CL+RP1+TD5	7:25	22+0+0	0+0+0		17+1+4	0+0+0	
2		P5+CL+BK8	7:25	3+19+0	0+0+0		0+18+3	0+0+0	
3		P10+PPD+CL	9:25	18+0+4	0+0+0		9+7+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLI - RP1 - TD5	CREW: Hạnh - KHOÀN - HUỠ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐẠI PHONG	CLI	17-18	2	15		67	YTE	Vietnamese
2	NGO SỸ HA	CLI	24-25	2	17		68	DQS	Vietnamese
3	DƯƠNG NGỌC TUÂN	CLI	20	1	10		72	DQS	Vietnamese
4	PHẠM THIÊN NAM	CLI	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	CHERNYSHEV	CLI	15	1	5		120	KH-THAC	Russian
6	DOKUCHAEV	CLI	14	1	10		105	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI NGỌC THIẾT	CLI	03	1	3	50	75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH VIỆT	CLI	02	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	12	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN ĐOÀN	CLI	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HUỠNH TRỌNG KIM	CLI	10	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC NGHỈ	CLI	26-28	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	04	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	11	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH LONG	CLI	05	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN NHAN	CLI	29	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LAM	CLI	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	09	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI PHÚC LINH	CLI	01	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THAM	CLI	13	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	26	174	1.600	50	17		
2	RP1	0	0	0	0	40	1		
3	TD5	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	26	174	1.600	110	22		
WEIGHT KG				174	1.600	110			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P5 - CLI - BK8	CREW: QViệt - Phong - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG HUY	P5	88	1	10		100	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANG	P5	89	1	5	27	66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC TUẤT	P5	86-87	2	8		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	42	1	3	45	69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	36	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN HOANG	CLI	40	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRỌNG TUÂN	CLI	34	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	50	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	23	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	24	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	25	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHÁNH	CLI	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN TUYẾN	CLI	21	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KHÁNH	CLI	20	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG ĐỨC	CLI	30	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC KHOA	CLI	31-32	2	20		88	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN PHÚ	CLI	28-29	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	41	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
19	ĐINH XUÂN TOÀN	CLI	43,49	2	15		60	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN SỸ HƯA	CLI	26-27	2	20		54	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM THANH NHẢ	CLI	22	1	8		70	PSV	Vietnamese
22	BUI VĂN QUÂN	CLI	35	1	2		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	4	23	237	27	0		
2	CLI	19	23	156	1.306	45	18		
3	BK8	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	27	179	1.543	72	21		
WEIGHT KG				179	1.543	72			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/08/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+HST+HSD	7:25	19+0+3	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 1 HST-HSD
2		VSP02+P2+P6	7:25	1+18+3	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
3		P4+PPD+TD3	7:25	20+2+0	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
4		P4+JS2	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
5		P1+BK6+BK4	9:25	18+4+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
6		BK8+BK16+P7	9:25	7+1+14	0+0+0		5+1+16	0+0+0	
7		CTK3+P9+P4	9:25	22+0+0	0+0+0		4+1+17	0+0+0	chuyen 1 P9-P4
8		P4+P3	9:25	11+11	0+0		8+14	0+0	CHUYEN 1 P9-P4
9		TGTH5+TD1+P1	11:25	2+12+8	0+0+0		2+9+11	0+0+0	CHUYEN 1 P9-P4
10		TGTH1+AMD	11:25	3+16	0+0		2+17	0+0	
11		P2+BK10+P10	11:25	21+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 3 P2-BK10
12		BK5+P5+AMD	11:25	4+15+2	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
13		TGTH4+P3	11:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
14		CTK3+BK9+AMD	13:25	16+0+6	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 NGUOI DH ĐI P2 VỀ CHUYEN CUOI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - HST - HSD	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUAN HIEU	TD1	20	1	2	40	63	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	16	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	KLIUZHEV R.V	TD1	93-94	2	9		112	KHOAN	Russian
4	PHAM HOA VIET	TD1	97-98	2	18		70	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN VAN QUY	TD1				34	63	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN MINH	TD1	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM CONG TIEN	TD1	10	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DANH QUY	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD1	09	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN HOAN	TD1	08	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
11	TÔ THANH HAI*PK-PVD	TD1	96	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN DUY	TD1	11	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN NINH	TD1	07	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN GIN	TD1	300	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRAN NAM	TD1	04-05	2	19		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DONG	TD1	99	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VAN THANH	TD1	95	1	10	17	51	SHINTRAC	Vietnamese
19	VO HUU TAN	TD1	17	1	8		76	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NHA	HSD	53-54	2	6		61	KH-THAC	Vietnamese
21	DO VIET PHUONG	HSD	55	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
22	HA VAN THUY	HSD	56	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

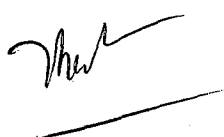
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	19	124	1.326	91	18		CHUYEN 1 PAX TU HST DEN HSD
2	HST	0	0	0	0	0	0+1		
3	HSD	3	4	23	199	0	4		
TOTAL		22	23	147	1.525	91	22		
WEIGHT KG				147	1.525	91			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: VSP02 - P2 - P6	CREW: Hạnh - ĐTuấn - MQUÂN	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC TRỌNG	VSP02	60	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	76	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM QUANG TÀ	P2	70	1	3		71	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	P2	75	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P2	81	1	5		67	NIPI	Vietnamese
6	VÔ DUY TOÀN	P2	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG DUNG	P2	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO HỮU NGUYỄN	P2	74	1	5	80	65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN ĐANG	P2	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG XUAN ĐIẾP	P2	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ NGHĨA TÀI	P2	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH VŨ	P2	65	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	69	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÙNG	P2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THIÊN	P2	73	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HUY QUYNH	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN SƠN	P6	70	1	5	40	60	GETRACO	Vietnamese
21	CAO DUY LŨNG	P6	72	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN VĂN HẬU	P6	47	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	1	1	5	80	0	01		
2	P2	18	15	87	1.241	80	18		
3	P6	3	3	15	180	40	3		
TOTAL		22	19	107	1.501	120	22		
WEIGHT KG				107	1.501	120			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P4 - PPD - TD3	CREW: HÙNG - MMinh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV M. M-C	P4	12	1	5		76	KH-THAC	Russian
2	SOKOLUC C. M.	P4	03	1	8		87	KH-THAC	Russian
3	VLASOVA A. M.	P4					85	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ HUU NAM	P4	09-10	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN SĨ TUẤN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỨC	P4	05	1	3		89	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	P4	15-16	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO MINH TUẤN	P4	21	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	18	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
10	SAGAR GURURAJ	P4	07-08	2	18	20	84	KHI	Indian
11	HOANG VĂN TRUNG	P4	01-02	2	10		66	YTE	Vietnamese
12	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	04	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	20	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN CHIẾN	P4	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH SƠN	P4	13	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM XUÂN HAI	P4	19	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	17	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THANH CAM	P4	22-23	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC MINH	P4	11	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
22	DUƠNG TRƯƠNG LAM	PPD	35	1	5	55	67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	22	111	1.444	20	7		
2	PPD	2	1	5	137	55	8		
3	TD3	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	23	116	1.581	105	22		
WEIGHT KG				116	1.581	105			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P4 - JS2	CREW: MTHẮNG - VTHU - ĐANG -	ETA: 09:30
TRANG-1		CƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NAM	P4	26	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG KHÁC DƯ	P4	27-28	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THANH	P4				30	67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	70	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LÊ	JS2	42	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
7	GALVIN NOEL GOMES	JS2	35	1	5	25	97	KHOAN	Indian
8	NGUYỄN ĐỨC LAM	JS2	41	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRẦN HIỆN	JS2	30	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN PHU	JS2	40	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU VĂN LỢI	JS2	49-50	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY THANH	JS2	34	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THOM	JS2	48	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
14	LAM QUANG HIẾP	JS2	47	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	BUI QUỐC GIA	JS2	33	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN CHUÔNG	JS2	29	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	JS2	32	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG CONG THANG	JS2	39	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN VINH	JS2	31	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
20	CAO VĂN VIỆT	JS2	43	1	4	90	60	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THANH VĂN	JS2	45-46	2	12	15	54	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN VINH	JS2	37-38	2	12		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

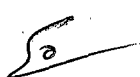
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	5	33	347	30	0		
2	JS2	17	20	132	1.197	130	22		
TOTAL		22	25	165	1.544	160	22		
WEIGHT KG				165	1.544	160			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P1 - BK6 - BK4	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P1	66	1	7	18	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	P1	78	1	10		68	YTE	Vietnamese
3	TSOPANOV A.V	P1	74	1	8		104	KH-THAC	Russian
4	KISELEV IGOR	P1	73	1	20		96	KH-THAC	Russian
5	LÊ NGỌC HAI	P1	68	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG ĐÌNH QUÊ	P1	79	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	82-83	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ VINH	P1	77	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ KIẾN TRUNG	P1	81	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM BÀ NGẠN	P1	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOANG NHAN	P1	84	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	80	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	76	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	71-72	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NĂM CƯỜNG	P1	69	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CÔNG AN	P1	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÚ	BK6	23	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	57	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRẦN VIỆT	BK6	25	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	24	1	4		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	18	19	128	1.310	18	17		
2	BK6	4	4	22	256	40	4		
3	BK4	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		22	23	150	1.566	93	22		
WEIGHT KG				150	1.566	93			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: BK8 - BK16 - P7	CREW: TÙNG - ĐTuấn - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PODYMOV	BK8	77-78	2	15		140	KH-THAC	Russian
2	NGO VAN MAY	BK8	80-81	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CONG LUU	BK8	73	1	7	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG GIANG	BK8	75	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NG. TIEN DUNG	BK8	84-85	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN THINH	BK8	74	1	6		60	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NHANH	BK8	76	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	ĐANG VAN CHUNG	BK16	55-56	2	17		70	DVL	Vietnamese
9	LE VAN PHU	P7	87	1	7		75	YTE	Vietnamese
10	LUONG QUOC VUONG	P7	88	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH HOAI NAM	P7	90-91	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VAN SON	P7	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BAC	P7	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUANG HUY	P7	89	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC SON	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH VAN PHUONG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN DINH PHAC	P7	80	1	5	45	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LAM ĐANG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN VIET	P7	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAO TUAN CHU	P7	85	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	LE HUU LONG	P7	82	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN TAI	P7	86	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	7	10	65	557	40	5		
2	BK16	1	2	17	70	0	1		
3	P7	14	12	73	983	45	16		
TOTAL		22	24	155	1.610	85	22		
WEIGHT KG				155	1.610	85			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: CTK3 - P9 - P4	CREW: HUNG - MMinh - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH CÔNG	CTK3	89	1	9		74	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	CTK3	40	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	CTK3	64	1	14	72	77	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ BÍCH ANH	CTK3	77-78	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUY HẢI	CTK3	01	1	10		94	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THĂNG	CTK3	81-82	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ HỘI	CTK3	84-85	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC TUẤN	CTK3	46	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG SỸ	CTK3	86	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
10	TÀ TRUNG HIỆU	CTK3	50	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN CAO TRI	CTK3	65-66	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KIM HÀ	CTK3	41	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÀU	CTK3	79-80	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU ĐỨC THỊNH	CTK3	93	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THỊNH	CTK3	47	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
16	VUÔNG HUY HOÀN	CTK3	42-43	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUÂN	CTK3	63	1	18		57	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO HỮU TUYẾN	CTK3	83	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ QUANG TRƯỞNG	CTK3	87-88	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG HÌNH	CTK3	90	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN ĐÌNH MINH	CTK3	48-49	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐỖ TIẾN MẠNH	CTK3	44-45	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

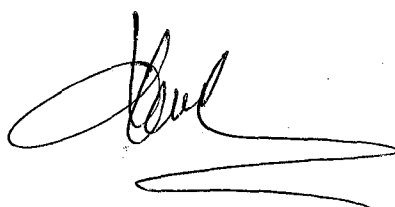
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	31	288	1.489	72	4		CHUYỂN 5 PAX P9 SANG P4
2	P9	0	0	0	0	0	1	5	
3	P4	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		22	31	288	1.489	72	22		
WEIGHT KG				288	1.489	72			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: P4 - P3	CREW: MTHẮNG - VTHU - ĐANG - CUÔNG	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI MINH HOANG	P4	73	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG HIẾU	P4	76-77	2	17		90	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P4	81	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TUẤN	P4	79-80	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ PHÚC HOÀNG	P4	84	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN KHANH	P4	83	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM MINH TRUNG	P4	78	1	9		85	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ XUÂN ĐẠT	P4	82	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN THIÊN	P4	74-75	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN HÒA	P4	85	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TỬ	P3	81	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN THANH	P3	77	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM TUẤN KHAI	P3	84	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	80	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ KHAI ĐẠT	P3	85-86	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VĂN MINH TÂN	P3	76	1	5	70	60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TOÀN	P3	82-83	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	CHAU ĐÌNH TỬ	P3	79	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG THANH	P3	78	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUÝ TRUNG	P3	44	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	13	122	718	0	8		
2	P3	11	13	71	772	70	14		
TOTAL		21	26	193	1.490	70	22		
WEIGHT KG				193	1.490	70			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: TGTH5 - TD1 - P1	CREW: Hòì - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VINH QUANG	TGTH5	21-22	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH5	23	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TUẤN THÀNH	TD1	22	1	5		55	PSV	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN MINH	TD1					60	PSV	Vietnamese
5	ĐẶNG THỂ THANH	TD1					68	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	21	1	5		78	PSV	Vietnamese
7	ĐOÀN ĐÌNH TỰ	TD1	27	1	3		63	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1					55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TÀI	TD1	28	1	3		66	PSV	Vietnamese
10	ĐÌNH KHẮC THẠCH	TD1					60	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HÙNG	TD1	26	1	10		60	PSV	Vietnamese
12	LE XUAN TINH	TD1					93	PSV	Vietnamese
13	MAI VĂN HIẾU	TD1	23-24	2	10		50	SHINTRAC	Vietnamese
14	VÕ VĂN SANG	TD1	25	1	9		68	SHINTRAC	Vietnamese
15	TÔ QUANG ANH	P1	25-26	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THẮNG	P1	98	1	6	21	51	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ HỒNG HAI	P1	96	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH SƠN	P1	94	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUY	P1	93	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN GIA CHUNG	P1	95	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	97	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN THỊ THANH	P1	92	1	12		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	3	20	140	0	2		
2	TD1	12	8	45	776	0	9		
3	P1	8	9	56	502	21	11		
TOTAL		22	20	121	1.418	21	22		
WEIGHT KG				121	1.418	21			

GRAND TOAL: 1.560 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:25
FLIGHT: 10	TO: TGTH1 - AMD	CREW: Trưởng - ATUẤN	ETA: 13:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG KIẾN	TGTH1	52-53	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	51	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	54-55	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	89-90	2	12		69	HLJOC	Vietnamese
5	TRƯƠNG THẾ HIỂN	AMD	96	1	5		72	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	81	1	4		61	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH (PVDT)	AMD	86-87	2	12		80	TLJOC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG THANH	AMD	82	1	4		68	TLJOC	Vietnamese
9	CHU HỮU CHÍNH	AMD	83	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ BA THANH	AMD	88	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	91	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH (PVDT)	AMD	95	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	85	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	93	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	84	1	12	15	66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BÁC HÀ	AMD	97-98	2	10	50	66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	79-80	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	92	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	AMD	94	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	3	5	33	243	0	2		
2	AMD	16	20	129	1.102	65	17		
TOTAL		19	25	162	1.345	65	19		
WEIGHT KG				162	1.345	65			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	TO: P2 - BK10 - P10	CREW: MTHẮNG - VTHU - ĐANG -	ETA: 13:30
NAU-3		CƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ SỸ VANG	P2	22	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN NIN	P2	31	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TAN	P2	32,82	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI HOANG TAM	P2	25	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN ĐÔNG	P2	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ CHÈ LINH	P2	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TAN QUAN	P2	29	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍ HUƠNG	P2	30	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN SƠN	P2	85	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HIẾN	P2	84	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	P2	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	KAZIKOV	P2	28	1	13		100	ANTOAN	Russian
13	NGUYỄN HUY HIỆU	P2	23	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
14	HA XUÂN THANH	P2	24	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ TỰ KHA	P2	88-89	2	15	18	80	XAYLAP	Vietnamese
16	VUÔNG MAI	P2	26	1	9		57	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC SƠN	P2	94	1	8	42	55	NIPI	Vietnamese
18	HOANG ANH DUNG	P2	95	1	10		70	NIPI	Vietnamese
19	LUƠNG MINH KHUÊ	P2	27	1	4	12	54	NIPI	Vietnamese
20	LY TIẾN TÂN	P2	92-93	2	17	60	92	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	P2					63	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK10	51	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	23	165	1.496	132	18	43	CHUYEN 3 PAX P2 SANG BK10
2	BK10	1	1	6	75	0	0		
3	P10	0	0	0	0	4	4		
TOTAL		22	24	171	1.571	136	22		
WEIGHT KG				171	1.571	136			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	TO: BK5 - P5 - AMD	CREW: HUNG - MMinh - Luy	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TAP	BK5	03	1	8	55	70	KH-THAC	Vietnamese
2	DOAN VAN TRINH	BK5	05	1	8	37	60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	BK5	06	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	04	1	6		69	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG VIET	P5	73-74	2	9		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HUNG	P5	900	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TONG XUAN SINH	P5	69	1	15	35	63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN MINH	P5	92	1	7	20	84	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DINH TU	P5	66	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN MINH THANH	P5	72	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NGOC	P5	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRONG NGHIA	P5	99	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN CAO MANH	P5	68	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU VAN HAY	P5	94-95	2	15		83	XAYLAP	Vietnamese
15	TRUONG DUC MANH	P5	96	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO DINH NHAT MINH	P5	97-98	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TUAN	P5	71	1	11		79	PSV	Vietnamese
18	LE XUAN TINH	P5	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	HOANG NGOC HOA	P5	93	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	PHAM VAN HUNG	AMD	14-15	2	17		67	PSV	Vietnamese
21	DINH CONG HOANG	AMD	16	1	8		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	32	264	92	5		
2	P5	15	18	119	1,077	55	12		
3	AMD	2	3	25	131	0	5		
TOTAL		21	25	176	1,472	147	22		
WEIGHT KG				176	1,472	147			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 13	TO: TGTH4 - P3	CREW: TÙNG - ĐTuấn - MQUÂN	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH DANH	TGTH4	67-68	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	65-66	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG QUỐC HUY	TGTH4	57	1	10	120	75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THANH	TGTH4	37	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG THẮNG	P3	82	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ PHƯƠNG HUƠNG	P3	81	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ANH QUỐC	P3	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	P3	79	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN TOÀN	P3	80	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ QUANG TRUNG	P3	83	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU CHÍNH	P3	84	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
12	SAGIROV A.S	P3	86	1	9		70	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN HOÀ	P3	91-92	2	11		61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LỢI	P3	93-94	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC ĐOAI	P3	95	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH HOAN	P3	98-99	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH ĐỖ	P3	96-97	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG NGỌC SANG	P3	400,76	2	10		54	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI NGOC TUAN	P3	77-78	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ KIM SANG	P3	87	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC CUÔNG	P3	85	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
22	HÀ KIM LINH	P3	89	1	5		48	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	6	46	288	120	1		
2	P3	18	24	186	1.175	0	21		
TOTAL		22	30	232	1.463	120	22		
WEIGHT KG				232	1.463	120			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/08/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:30
FLIGHT: 14	TO: CTK3 - BK9 - AMD	CREW: Hòì - MTuấn - HIẾU	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN THANH QUYÊN	CTK3	76	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HA VĂN PHONG	CTK3	877	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	CTK3	55-56	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	54	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CẨM	CTK3	87-88	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ THE CHUYỀN	CTK3	81	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẦN VĂN HỌC	CTK3	77	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN DƯƠNG	CTK3	79-80	2	19	58	63	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ANH THÂN	CTK3	0			25	75	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN THẮNG	CTK3	600,78	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC NAM	CTK3	82-83	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI NGỌC HOANG	CTK3	85-86	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ TÁ HOÀN	CTK3	89-90	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN THANH	CTK3	75	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐIỀU VĂN THÔNG	CTK3	73-74	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	99	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	PHẦN VĂN HÒA	AMD	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN THIÊN	AMD	20	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	23	1	4		63	PSV	Vietnamese
20	PHẠM TUẤN THANH	AMD	19	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	TRẦN CAO TẠNG	AMD	18	1	5		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN HẢI	AMD	24	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	23	220	1.070	83	0 + 1		CHUYỂN 1 PAX CTK3 SANG BK9
2	BK9	0	0	0	0	0	0		
3	AMD	6	6	31	407	0	22		
TOTAL		22	29	251	1.477	83	22		
WEIGHT KG				251	1.477	83			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN